

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 391/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Số 19/33/17E, đường Lê Thị S, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Châu Văn S, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 47/1, đường 20, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 16/3/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày sự việc như sau:

Bà (Trần Thị Thanh N) và ông Châu Văn S kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 26/01/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung nhà với ba mẹ chồng. Được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bà không hợp nhau, hay mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chồng bà còn nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Bà về nhà ba mẹ ruột của bà sinh sống từ năm 2019 và vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay.

Từ khi ly thân, chồng bà cũng không có biểu hiện hàn gắn hay níu kéo tình cảm vợ chồng. Khi bà nộp đơn xin ly hôn, chồng bà biết và đồng ý ly hôn nhưng không chịu đến Tòa án. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên là Châu Trần Phú Q, sinh ngày 28/01/2018, hiện con bà đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà muốn được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Châu Văn S không có mặt nên không có lời khai của ông S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Châu Văn S hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 342/TB-TA ngày 06/4/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 kèm giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 kèm giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Châu Văn S vắng mặt mà không rõ lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Châu Văn S, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thanh N và ông Châu Văn S kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 26/01/2018, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Tại đơn xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà N cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bà không hợp nhau, hay mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chồng bà còn nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Bà N về nhà ba mẹ ruột của bà sinh sống từ năm 2019 và vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân, chồng bà cũng không có biểu hiện hàn gắn hay níu kéo tình cảm vợ chồng. Khi bà nộp đơn xin ly hôn, chồng bà biết và đồng ý ly hôn nhưng không chịu đến Tòa án. Vì cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà xin được ly hôn với ông S.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông S có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà N cương quyết xin ly hôn với ông S vì không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, ông S cũng không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện ông S không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà N và ông S không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà N là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà N và ông S có 01 con chung tên là Châu Trần Phú Q, sinh ngày 28/01/2018, hiện con chung đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà N muốn được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do trẻ Phú Quý còn nhỏ và hiện đang sống ổn định cùng với bà N nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Phú Quý cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Do bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- *Tài sản chung:*

Bà N khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung:*

Bà N khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 81, Khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thanh N được quyền ly hôn với ông Châu Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 26/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N và ông S không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Giao trẻ Châu Trần Phú Q, sinh ngày 28/01/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Bà N khai không có tài sản chung nên không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà N khai không có nghĩa vụ dân sự chung nên không xét.

## 2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà N phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0085920 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Châu Văn S) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

### **Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tân Thông Hội, H. Củ Chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Thanh Hương**